

Số: /QĐ-UBND

An Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/2014/QĐ-BKHCN ngày 17/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan hành chính nhà nước thuộc các Sở, ngành thành phố Hải Phòng;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã An Quang về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Quang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành hệ thống tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Quang (có danh mục kèm theo) nhằm mục đích kiểm soát chất lượng các hoạt động thuộc phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đã được hoạch định.

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo ISO xã tổ chức thực hiện việc công khai các quy trình và nội dung các quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, Thành viên Ban chỉ đạo ISO xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Ban chỉ đạo ISO xã có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc, theo dõi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo các tài liệu đã ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN;
- Thường trực ĐU, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban chỉ đạo ISO;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Thịnh

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG TÀI LIỆU CỦA UBND XÃ AN QUANG THEO TIÊU
CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
2025 của Ủy ban nhân dân xã An Quang)

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
A	TÀI LIỆU HỆ THỐNG	
	Chính sách chất lượng	CSCL
	Mục tiêu chất lượng	MTCL
	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.01
	Hướng dẫn kiểm soát rủi ro	QT.02
	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	QT.03
	Hướng dẫn kiểm tra sự không phù hợp, hành động khắc phục	QT.04
	Hướng dẫn xem xét lãnh đạo	QT.05
B	VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ (65 QT)	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP CÔNG DÂN	
01	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.VP.01
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH XỬ LÝ ĐƠN THƯ	
02	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.VP.02
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU	
03	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại xã	QT.VP.03
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO	
04	Giải quyết tố cáo cấp xã	QT.VP.04
	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	
05	Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.VP.05
06	Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.VP.06
07	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.VP.07
08	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.VP.08
09	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.VP.09
10	Thủ tục đăng ký khai tử	QT.VP.10
11	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.VP.11
12	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.VP.12
13	Đăng ký giám hộ	QT.VP.13
14	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.VP.14
15	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.VP.15
16	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.VP.16
17	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.VP.17
18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.VP.18

19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.VP.19
20	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.VP.20
21	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.VP.21
22	Thủ tục đăng ký lại khai tử	QT.VP.22
23	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.VP.23
24	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.VP.24
25	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.VP.25
26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.VP.26
27	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.VP.27
28	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.VP.28
29	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.VP.29
30	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	QT.VP.30
31	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.31
32	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.32
33	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.VP.33
34	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.VP.34
35	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.VP.35
36	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.VP.36
37	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.VP.37
38	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.VP.38
39	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.VP.39
40	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.VP.40
41	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.VP.41
	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
42	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT.VP.42
43	Thủ tục chứng thực di chúc	QT.VP.43
44	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.VP.44
45	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.VP.45

46	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.VP.46
47	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của ủy ban nhân dân cấp xã	QT.VP.47
48	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của ủy ban nhân dân cấp xã	QT.VP.48
49	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.VP.49
50	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.VP.50
51	Thủ tục cấp bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.VP.51
52	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.VP.52
53	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.VP.53
54	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.VP.54
	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	
55	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.VP.55
56	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.VP.56
57	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.VP.57
58	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.58
59	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.VP.59
	LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ	
60	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	QT.VP.60
61	Thủ tục công nhận hòa giải viên cấp xã	QT.VP.61
62	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.VP.62
63	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.VP.63
64	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.VP.64
	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC	
65	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.VP.65
C	PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (141 QT)	
	LĨNH VỰC VĂN HÓA	

1	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.VH.01
2	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.VH.02
	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ	
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.03
4	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.04
5	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.05
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.06
	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	
7	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.VH.07
8	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	QT.VH.08
	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO	
9	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.VH.09
	LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC	
10	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QT.VH.10
11	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.VH.11
12	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QT.VH.12
13	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.VH.13
14	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.VH.14
15	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT.VH.15
	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN	
16	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.VH.16
17	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.VH.17
18	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT.VH.18
19	Xét, cấp học bổng chính sách	QT.VH.19
20	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.VH.20

21	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.VH.21
22	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.VH.22
23	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.VH.23
24	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.VH.24
25	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.VH.25
26	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.VH.26
27	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	QT.VH.27
28	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT.VH.28
29	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.VH.29
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
30	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.VH.30
31	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.VH.31
32	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.VH.32
33	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.VH.33
34	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT.VH.34
35	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.VH.35
36	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.VH.36
37	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.VH.37
38	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.VH.38
39	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.VH.39
40	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.VH.40
LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		
41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.VH.41

42	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	QT.VH.42
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON	
43	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.VH.43
44	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.VH.44
45	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.VH.45
46	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.VH.46
47	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	QT.VH.47
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	
48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	QT.VH.48
49	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.VH.49
50	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.VH.50
51	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.VH.51
52	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.VH.52
53	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.VH.53
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN	
54	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.VH.54
55	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.VH.55
56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT.VH.56
57	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT.VH.57
	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	
58	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.VH.58
59	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.VH.59
60	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.VH.60
	LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ	
61	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	QT.VH.61
62	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	QT.VH.62
	LĨNH VỰC VIỆC LÀM	
63	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	QT.VH.63
64	Vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	QT.VH.64
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC	

65	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.VH.65
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ	
66	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT.VH.66
67	Thủ tục thành lập hội	QT.VH.67
68	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.VH.68
69	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	QT.VH.69
70	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.VH.70
71	Thủ tục hội tự giải thể	QT.VH.71
72	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.VH.72
73	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.VH.73
74	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.VH.74
75	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT.VH.75
76	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.VH.76
77	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.VH.77
78	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.VH.78
79	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.VH.79
80	Thủ tục quỹ tự giải thể	QT.VH.80
	LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	
81	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.VH.81
82	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.VH.82
83	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.VH.83
84	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.VH.84
85	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.VH.85
86	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.VH.86
87	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.VH.87
88	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.VH.88
89	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.VH.89
90	Công nhận người có uy tín	QT.VH.90

91	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	QT.VH.91
	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
92	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chi - a	QT.VH.92
93	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.VH.93
94	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.VH.94
95	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.VH.95
96	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT.VH.96
97	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.VH.97
98	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.VH.98
99	Cấp bổ sung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT.VH.99
100	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT.VH.100
101	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT.VH.101
102	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.VH.102
103	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT.VH.103
104	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.VH.104
105	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.VH.105
106	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.VH.106
107	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.VH.107
108	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.VH.108
109	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.VH.109
110	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.VH.110

111	Trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.VH.111
112	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.VH.112
113	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT.VH.113
114	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.VH.114
115	Cấp giấy xác nhận nhân thân của người có công	QT.VH.115
116	Thăm viếng mộ Liệt sĩ	QT.VH.116
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
117	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VH.117
118	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VH.118
119	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VH.119
120	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.VH.120
121	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.VH.121
122	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VH.122
123	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VH.123
124	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.VH.124
125	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.VH.125
126	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.VH.126
	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN	
127	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.VH.127
	LĨNH VỰC TRẺ EM	
128	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.VH.128
129	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.VH.129
130	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.VH.130
131	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.VH.131

132	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.VH.132
133	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.VH.133
	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM	
134	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT.VH.134
	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG	
135	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	QT.VH.135
136	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	QT.VH.136
137	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QT.VH.137
138	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	QT.VH.138
139	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.VH.139
140	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT.VH.140
141	Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"	QT.VH.141
D	PHÒNG KINH TẾ (159 QT)	
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH)	
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.KT.01
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.02
3	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	QT.KT.03
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.KT.04
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.05
6	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.06
7	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.07
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, HỖ TRỢ CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ	
8	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.KT.08
9	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT.KT.09
10	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực	QT.KT.10

	thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.KT.11
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.12
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.13
14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.KT.14
15	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.KT.15
16	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.16
17	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.17
18	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.18
19	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT.KT.19
20	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.20
21	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.21
22	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.22
23	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.KT.23
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.KT.24
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.KT.25
26	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.26
27	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.KT.27
28	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.28
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.29
30	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.KT.30
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng	QT.KT.31

	nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
32	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.32
33	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.33
34	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	QT.KT.34
35	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.KT.35
36	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.36
	LĨNH VỰC THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ	
37	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT.KT.37
38	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.KT.38
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN	
39	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.KT.39
40	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản KCHT thủy lợi (đối với tài sản KCHT thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc UBND TP quản lý)	QT.KT.40
41	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QT.KT.41
42	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QT.KT.42
	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI	
43	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QT.KT.43
44	Thủ tục Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.KT.44
45	Thủ tục Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	QT.KT.45
	LĨNH VỰC BẢO HIỂM	
46	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.KT.46
	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY	
47	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KT.47
48	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KT.48
49	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KT.49
50	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.KT.50
51	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KT.51
52	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KT.52

53	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	QT.KT.53
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.KT.54
55	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.KT.55
56	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT.KT.56
57	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT.KT.57
58	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	QT.KT.58
59	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.KT.59
60	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.KT.60
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.KT.61
62	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.KT.62
63	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.KT.63
64	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.KT.64
65	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.KT.65
66	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.KT.66
67	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT.KT.67
68	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.KT.68
69	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT.KT.69
70	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.KT.70
71	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	QT.KT.71
	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
72	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.KT.72
73	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.KT.73
74	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT.KT.74

75	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.KT.75
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
76	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.76
77	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.77
78	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.78
79	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.79
80	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.80
81	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.81
82	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	QT.KT.82
83	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT.KT.83
	LĨNH VỰC NHÀ Ở	
84	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.KT.84
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC	
85	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	QT.KT.85

86	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.KT.86
87	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.KT.87
88	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.KT.88
89	hê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.KT.89
	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC	
90	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.90
91	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.91
92	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.92
93	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.93
94	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.94
95	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.95
96	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.96
97	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.97
98	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.98
	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ	
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.99
100	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chỉnh	QT.KT.100
101	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.101
	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ	
102	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	QT.KT.102
103	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	QT.KT.103
	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG	
104	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT.KT.104
	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG	
105	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.KT.105
	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
106	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.KT.106
	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO	
107	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.KT.107

108	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.KT.108
109	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.KT.109
110	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.KT.110
111	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.KT.111
	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	
112	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT.KT.112
	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	
113	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.KT.113
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
114	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.KT.114
115	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.KT.115
	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
116	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	QT.KT.116
117	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.KT.117
118	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KT.118
119	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	QT.KT.119
120	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	QT.KT.120
121	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư	QT.KT.121
	LĨNH VỰC KIỂM LÂM	
122	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT.KT.122
123	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.KT.123
	LĨNH VỰC THỦY LỢI	

124	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.KT.124
125	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KT.125
126	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KT.126
127	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	QT.KT.127
128	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.KT.128
129	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	QT.KT.129
130	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.KT.130
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
131	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.KT.131
	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT	
132	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	QT.KT.132
	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
133	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT.133
134	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT.134
135	Công bố mở cảng cá loại III	QT.KT.135
	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI	
136	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.KT.136
137	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.KT.137
	LĨNH VỰC THÚ Y	

138	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.KT.138
	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
139	Hoà giải tranh chấp đất đai	QT.KT.139
140	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.KT.140
141	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.KT.141
142	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.KT.142
143	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	QT.KT.143
144	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.KT.144
145	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	QT.KT.145
146	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	QT.KT.146
147	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	QT.KT.147
148	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở	QT.KT.148

	và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	
149	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT.KT.149
150	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.KT.150
151	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	QT.KT.151
152	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KT.152
	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC	
153	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	QT.KT.153
	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI	
154	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư 3	QT.KT.154
155	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.KT.155